

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính năm 2019 và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên lên giảng viên chính của Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 5954/BNV-CCVC ngày 30/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức năm 2019 của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính năm 2019 và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giảng viên chính của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Nội vụ (để b/cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu

KẾ HOẠCH**Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính và
thăng hạng viên chức từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019
của Bộ Tư pháp**

*(Kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-BTP ngày 05 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

Thực hiện Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Đề án thi nâng ngạch công chức, Đề án thi thăng hạng viên chức của Bộ Tư pháp năm 2019 (kèm theo Công văn số 3779/BTP-TCCB ngày 30/9/2019 của Bộ Tư pháp), Đề án thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tư pháp năm 2019 (kèm theo Công văn số 3073/BTP-TCCB ngày 14/8/2019 của Bộ Tư pháp); Công văn số 5954/BNV-CCVC ngày 30/11/2019 của Bộ Nội vụ về việc thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức năm 2019 của Bộ Tư pháp, Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính và thăng hạng viên chức từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019 của Bộ Tư pháp như sau:

A. THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC NĂM 2019**I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI****1. Đối với thi nâng ngạch công chức từ nhân viên, cán sự lên chuyên viên****1.1. Đối tượng dự thi**

Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ và Thông tư số 08/2011/TT-BNV ngày 02/6/2011 của Bộ Nội vụ, đang giữ ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch lên chuyên viên theo quy định.

1.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi**a) Điều kiện dự thi**

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014;

- Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Có thời gian giữ ngạch nhân viên hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên hoặc giữ ngạch cán sự, chuyên viên cao đẳng hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên.

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sỹ quản lý hành chính công, tiến sỹ quản lý hành chính công;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương”.

2. Đối với thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính

2.1. Đối tượng dự thi

Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP và Thông tư số 08/2011/TT-BNV đang giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính theo quy định.

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Điều kiện dự thi

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên chính quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014;

- Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Đối với công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính thì trong thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ

quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể như sau:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền;

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt;

+ Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Công chức dự thi nâng ngạch chuyên viên chính phải có thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính, thạc sỹ quản lý hành chính công, tiến sỹ quản lý hành chính công;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương”.

3. Đối với thi nâng ngạch công chức từ kế toán viên lên kế toán viên chính

3.1. Đối tượng dự thi

Công chức được xác định theo quy định tại Nghị định số 06/2010/NĐ-CP và Thông tư số 08/2011/TT-BNV đang giữ ngạch kế toán viên trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch lên kế toán viên chính theo quy định.

3.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Điều kiện dự thi

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch kế toán viên chính quy định tại Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

- Được đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Trong thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực tài chính, kế toán; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền;

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính phải đang giữ ngạch kế toán viên và có thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng).

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên chính;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch

- Hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của công chức bao gồm:

+ Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ Nội vụ về việc ban hành mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức), có xác nhận của cơ quan sử dụng công chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá công chức của người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức theo các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 24/2010/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực (trường hợp bản sao không có chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu);

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi nâng ngạch.

- Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi công chức được bỏ vào một bao bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và biểu mẫu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch

2.1. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm xem xét, quyết định danh sách công chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch của công chức tham dự kỳ thi trong các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp.

2.2. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cử công chức dự thi nâng ngạch và công chức dự thi nâng ngạch phải chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi của công chức đơn vị mình và tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi nâng ngạch. Mọi sự gian dối, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự thi nâng ngạch sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THI

1. Thi nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, kế toán viên chính được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên giấy. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 3 phần:

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của công chức theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi. Thời gian thi 60 phút.

Phần II: Ngoại ngữ 30 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của ngạch dự thi. Thời gian thi 30 phút.

Phần III: Tin học 30 câu hỏi theo yêu cầu của ngạch dự thi. Thời gian thi 30 phút.

Vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Đối với thi nâng ngạch lên chuyên viên chính và kế toán viên chính: Thi viết, thời gian 180 phút theo yêu cầu của ngạch dự thi với thang điểm 100.

b) Đối với thi nâng ngạch lên chuyên viên: Thi viết, thời gian 120 phút theo yêu cầu của ngạch dự thi với thang điểm 100.

2. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ, tin học

a) Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

- Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

- Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

b) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên.

3. Cách tính điểm và nguyên tắc xác định người trúng tuyển

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì công chức dự thi nâng ngạch được dự thi tiếp vòng 2.

- Người trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính, kế toán viên chính, chuyên viên phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện như sau: người dự tuyển là nữ; người dự tuyển là người dân tộc thiểu số; người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn

không xác định được thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của Hội đồng thi và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

B. THI THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2019

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI

1. Đối với thi thăng hạng từ nhân viên, cán sự lên chuyên viên

1.1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh nhân viên, cán sự hoặc tương đương trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng lên chuyên viên theo quy định.

1.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Điều kiện dự thi

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Có thời gian giữ ngạch nhân viên hoặc tương đương từ đủ 5 năm (60 tháng) trở lên hoặc giữ ngạch cán sự, chuyên viên cao đẳng hoặc tương đương từ đủ 3 năm (36 tháng) trở lên.

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sỹ quản lý hành chính công, tiến sỹ quản lý hành chính công;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

2. Đối với thi thăng hạng từ kế toán viên trung cấp, kế toán viên cao đẳng lên kế toán viên

2.1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh kế toán viên trung cấp, kế toán viên cao đẳng trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng lên kế toán viên theo quy định.

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Điều kiện dự thi

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch kế toán viên quy định tại Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên phải đang giữ ngạch kế toán viên trung cấp và có thời gian giữ ngạch kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên trung cấp tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng), trừ trường hợp công chức đang giữ ngạch kế toán viên cao đẳng hoặc tương đương theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 77/2019/TT-BTC.

Trường hợp công chức đang giữ ngạch kiểm ngân viên (07.047), thủ quỹ kho bạc, ngân hàng (06.034), thủ quỹ cơ quan, đơn vị (06.035) thì thời gian giữ ngạch kiểm ngân viên; thủ quỹ kho bạc, ngân hàng; thủ quỹ cơ quan, đơn vị hoặc tương đương phải từ đủ 5 năm (đủ 60 tháng) trở lên.

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

3. Đối với thi thăng hạng từ chuyên viên lên chuyên viên chính

3.1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh chuyên viên hoặc tương đương trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng lên chuyên viên chính theo quy định.

3.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Điều kiện dự thi

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên chính quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng chuyên viên chính thì trong thời gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu. Cụ thể:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền;

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện mà cơ quan nơi công chức công tác được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt;

+ Có văn bản giao nhiệm vụ của người có thẩm quyền về việc chủ trì hoặc tham gia xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, chỉnh lý văn bản quy phạm pháp luật, gồm: dự án Luật, Nghị quyết của Quốc hội, dự án Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý. Viên chức dự thi thăng hạng chuyên viên chính phải có thời

gian giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng).

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính, thạc sỹ quản lý hành chính công, tiến sỹ quản lý hành chính công;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

4. Đối với thi thăng hạng từ kế toán viên lên kế toán viên chính

4.1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh kế toán viên trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng lên kế toán viên chính theo quy định.

4.2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

a) Điều kiện dự thi

- Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của ngạch kế toán viên chính quy định tại Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền;

- Trong thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia xây dựng ít nhất 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, chương trình nghiên cứu khoa học cấp bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện trong lĩnh vực tài chính, kế toán; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu, cụ thể như sau:

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp tham gia xây dựng văn bản mà theo quy định của Luật Ban

hành văn bản quy phạm pháp luật không bắt buộc phải thành lập Ban soạn thảo hoặc Tổ biên tập thì phải có văn bản giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia xây dựng của người có thẩm quyền;

+ Có quyết định của người có thẩm quyền cử tham gia Ban chỉ đạo, Ban chủ nhiệm, Ban soạn thảo hoặc Tổ giúp việc, Tổ biên tập, Tổ biên soạn đề tài, đề án, chương trình, dự án cấp Bộ, ngành hoặc cấp tỉnh, cấp huyện và đã được cấp có thẩm quyền nghiệm thu hoặc phê duyệt.

- Có kinh nghiệm trong lĩnh vực hành chính, công vụ hoặc trong hoạt động lãnh đạo, quản lý công tác kế toán. Công chức dự thi nâng ngạch kế toán viên chính phải đang giữ ngạch kế toán viên và có thời gian giữ ngạch kế toán viên hoặc tương đương từ đủ 9 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc), trong đó thời gian gần nhất giữ ngạch kế toán viên tối thiểu 1 năm (đủ 12 tháng).

b) Tiêu chuẩn dự thi

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

- Có chứng chỉ chương trình bồi dưỡng ngạch kế toán viên chính;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ bồi dưỡng tiếng dân tộc do cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

- Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của viên chức bao gồm:

+ Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ), có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi thăng hạng.

- Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bao bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 (theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BNV

ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức).

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THI

1. Thi thăng hạng viên chức lên chức danh chuyên viên, kế toán viên, chuyên viên chính, kế toán viên chính qua 2 vòng thi như sau:

Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên giấy. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 3 phần:

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực; chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn của chức danh dự thi. Thời gian thi 60 phút.

Phần II: Ngoại ngữ 30 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của chức danh dự thi. Thời gian thi 30 phút.

Phần III: Tin học 30 câu hỏi theo yêu cầu của chức danh dự thi. Thời gian thi 30 phút.

Vòng 2: Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Đối với thi thăng hạng lên chuyên viên chính và kế toán viên chính: Thi viết, thời gian 180 phút theo yêu cầu của chức danh dự thi với thang điểm 100.

- Đối với thi thăng hạng lên chuyên viên và kế toán viên: Thi viết, thời gian 120 phút theo yêu cầu của chức danh dự thi với thang điểm 100.

2. Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ, tin học

a) Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

- Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

- Công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

- Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi;

- Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

b) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên.

3. Cách tính điểm và nguyên tắc xác định người trúng tuyển

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì viên chức dự thi thăng hạng được dự thi tiếp vòng 2.

- Người trúng tuyển kỳ thi thăng hạng chuyên viên chính và kế toán viên chính, chuyên viên và kế toán viên phải có kết quả điểm thi môn chuyên môn,

nghiệp vụ tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi bằng nhau ở chỉ tiêu thăng hạng cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện như sau: người dự tuyển là nữ; người dự tuyển là người dân tộc thiểu số; người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), trường hợp bằng tuổi nhau thì người có thời gian công tác nhiều hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn không xác định được thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của Hội đồng thi và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng lần sau.

C. THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

I. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI

1. Đối tượng dự thi

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III) trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tư pháp, có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng lên giảng viên chính theo quy định.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự thi

- Cơ sở giáo dục đại học có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi thi;
- Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03;
- Được Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;

- Có đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Ngoài ra, đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II);

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý;

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;
- Bằng Trung cấp lý luận chính trị trở lên (đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng);
- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
- Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II).

đ) Quyết định bổ nhiệm giảng viên (hạng III), mã số: V.07.01.03 và quyết định bổ nhiệm chức danh tương đương (nếu có);

e) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý kèm theo các minh chứng:

- Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Bản sao bài báo khoa học đã công bố, sách phục vụ đào tạo đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định;

- Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.

Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành. Đối với trường hợp được cử đi học nước ngoài theo đề án, thỏa thuận hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thay thế Bản sao công nhận văn bằng bởi Bản sao quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi:

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) của ứng viên được quy định như sau:

a) Ứng viên chuẩn bị 01 bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, gồm các tài liệu và được sắp xếp theo thứ tự; các bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo được sắp xếp theo từng loại công trình và theo thứ tự thời gian;

c) Ứng viên chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu;

d) Các công trình khoa học của cơ quan, tổ chức hoặc công dân có liên quan đến nội dung bí mật nhà nước, bí mật thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh phải

được bảo vệ theo quy định của pháp luật và thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THI

Viên chức dự thi thăng hạng từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính (hạng II) phải dự thi đủ các bài thi, cụ thể như sau:

1. Bài thi kiến thức chung

a) Nội dung thi: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng; Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam; Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học; Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường; Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường; Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II). Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%;

b) Hình thức thi: Tự luận;

c) Thời gian thi: 180 phút.

2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khóa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm;

b) Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp;

c) Thời gian thi: 30 phút/người.

3. Bài thi ngoại ngữ

a) Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

b) Hình thức thi: Viết;

c) Thời gian thi: 90 phút.

4. Bài thi Tin học

a) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm.

c) Thời gian thi: 45 phút.

5. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II)

5.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, thạc sĩ hoặc tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành;

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc;

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4.5 trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 31/12/2019;

5.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 5.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

6. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II)

Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

7. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)

1. Giảng viên trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định của pháp luật; có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100.

2. Không bảo lưu kết quả các kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên lên giảng viên chính được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, Thông tư số 13/2010/TT-BNV; Thông tư số 12/2012/TT-BNV, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP; Thông tư số 03/2019/TT-BNV; Công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính; Nội quy, Quy chế tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và Kế hoạch này.

2. Thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính và thi thăng hạng từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019 của Bộ Tư pháp.

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp ra Quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính năm 2019 và thi thăng hạng từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019 của Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Hội đồng).

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP,

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP; Thông tư số 03/2019/TT-BNV và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Hội đồng được sử dụng con dấu, tài khoản của Bộ Tư pháp để tổ chức thực hiện việc thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức.

3. Dự kiến thời gian tổ chức thi: Tháng 7, 8 năm 2020 (trường hợp chưa hết dịch bệnh và Thủ tướng Chính phủ chưa cho phép thì có thể lùi thời gian dự kiến tổ chức thi).

4. Địa điểm tổ chức thi: Thi tập trung, địa điểm do Bộ Tư pháp quyết định và sẽ có thông báo sau.

5. Lệ phí thi: Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

6. Trách nhiệm các đơn vị thuộc Bộ

6.1. Trách nhiệm của Vụ Tổ chức cán bộ

Giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Hội đồng thi thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu trình Bộ trưởng Quyết định thành lập Hội đồng thi, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng thi và Ban Giám sát kỳ thi;

b) Tiếp nhận hồ sơ của người dự thi do các đơn vị thuộc Bộ gửi về; thẩm định, lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và những trường hợp được miễn thi một số môn thi, báo cáo Hội đồng thi xem xét, trình Bộ trưởng phê duyệt;

c) Tham mưu Hội đồng thi thành lập các bộ phận giúp việc Hội đồng theo quy định;

d) Giúp Hội đồng thi chủ trì, phối hợp với các Ban giúp việc xây dựng nội dung ôn tập, hệ thống câu hỏi, ngân hàng đề thi của các môn thi theo quy định;

đ) Đăng tải danh mục tài liệu ôn tập trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;

e) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện đúng các nội dung theo Kế hoạch này;

g) Thực hiện nhiệm vụ khác khi được Bộ trưởng hoặc Hội đồng thi yêu cầu.

6.2. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

a) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thông báo công khai Kế hoạch tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính và thi thăng hạng từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019 của Bộ Tư pháp đến toàn thể công chức, viên chức của đơn vị.

Công chức, viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

b) Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trên cơ sở nhu cầu công tác và vị trí việc làm, căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi quy định tại Kế hoạch này thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức kiểm tra, thẩm định và chọn cử công chức đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi; gửi văn bản kèm danh sách (theo Mẫu kèm theo Kế hoạch này) và hồ sơ công chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo quy định về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) chậm nhất là ngày 01/6/2020;

- Rà soát danh sách viên chức dự thi thăng hạng viên chức hành chính năm 2019 và danh sách dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính năm 2019 đã gửi về Bộ Tư pháp trước đây theo các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi quy định tại Kế hoạch này để điều chỉnh, bổ sung (nếu có) cho phù hợp với quy định và thực tiễn của đơn vị, gửi văn bản kèm danh sách (theo Mẫu kèm theo Kế hoạch này) và hồ sơ viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi theo quy định về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) chậm nhất là ngày 01/6/2020.

- Thu lệ phí dự thi của công chức, viên chức nộp về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) theo quy định sau khi có Danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi.

Ngoài gửi bằng văn bản giấy, đề nghị các đơn vị đồng thời gửi bản mềm qua địa chỉ email: thonglv@moj.gov.vn.

Quá thời hạn nêu trên, đơn vị nào không gửi văn bản, danh sách và hồ sơ dự thi coi như không có nhu cầu dự thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính và thi thăng hạng từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019.

c) Văn phòng Bộ, Cục Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí để phục vụ việc tổ chức kỳ thi theo quy định.

Nếu đơn vị cần thêm thông tin về kỳ thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức hành chính và thi thăng hạng từ chức danh giảng viên lên giảng viên chính năm 2019 của Bộ Tư pháp đề nghị liên hệ đồng chí Lưu Văn Thông, Chuyên viên Vụ Tổ chức cán bộ (Điện thoại 024.62739367; email: thonglv@moj.gov.vn)./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu